

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 20 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Mã chứng khoán: EMC

Địa chỉ trụ sở chính: Km 9 xa lộ Hà Nội, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 08.22144647

Fax: 08.38963159

Người thực hiện công bố thông tin: Bùi Phước Quảng – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Km 9 xa lộ Hà Nội, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0963810962

Fax: 08.38963159

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo tài chính quý 1 năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2017

tại đường dẫn www.codientd.com/quan-he-co-dong của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

-(*): Báo cáo tài chính quý 1 năm 2017

14 Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Phước Quảng

N^o Số: **0594** /GUQ-CĐTĐ-HĐQT
V/v: Ký Báo cáo tài chính quý 1/2017.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/06/2016;
- Căn cứ chức năng, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức;

Hôm nay, ngày 17 tháng 04 năm 2017.

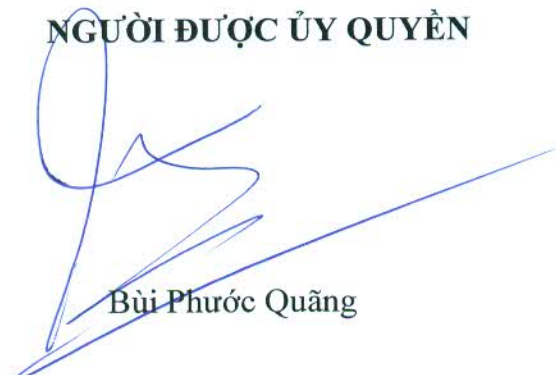
Tại: Phòng họp công ty.

Tôi **Nguyễn Minh Quang**, Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức, đồng ý ủy quyền cho Ông **Bùi Phước Quảng** là Tổng Giám đốc công ty được quyền ký thay báo cáo tài chính quý 1/2017 khi tôi đi công tác vắng mặt ở công ty.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 20/04/2017.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Bùi Phước Quảng

NGƯỜI ỦY QUYỀN



Nguyễn Minh Quang

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CTY CP CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N^o

SỐ 618 /CĐTĐ-KTTC

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20-04-17

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế giảm hơn 10%
BCTC quý 1/2017 so với quý 1/2016.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Theo yêu cầu của Quý Sở về việc giải trình lợi nhuận sau thuế giảm hơn 10% trong Báo cáo tài chính quý 1 năm 2017 so với quý 1 năm 2016. Tuy doanh thu bán hàng quý 1 năm 2017 tăng 18,25 tỷ so với quý 1 năm 2016, đạt tỷ lệ 140,7% so với quý 1 năm 2016, giá vốn hàng bán tăng 19,79 tỷ đồng đạt tỷ lệ 155,9% so với cùng kỳ do giá dây đồng tăng. chi phí quản lý tăng (do chi phí trợ cấp mất việc làm tăng), vì vậy, lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2017 cũng giảm, chỉ đạt 102 triệu đồng (giảm còn 65,52% so với quý 1 năm 2016).

Công ty Cổ Phần Cơ Điện Thủ Đức kính trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xem xét.

Trân trọng.



TỔNG GIÁM ĐỐC

BUI PHƯỚC QUANG

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP, HDQT

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Đơn vị báo cáo: Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức

Địa chỉ :Km 9, Xa lộ Hà Nội, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Mẫu số B 01-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		268,265,122,154	256,185,663,030
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,213,001,766	29,548,258,178
1. Tiền	111	V.01	3,213,001,766	29,548,258,178
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50,838,894,110	38,204,689,570
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	43,314,007,312	29,616,828,909
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4,142,169,191	4,810,373,620
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	5,457,489,431	5,852,258,865
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2,074,771,824)	(2,074,771,824)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV- Hàng tồn kho	140		212,266,604,184	188,157,882,635

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Hàng tồn kho	141	V.07	212,511,529,605	188,402,808,056
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(244,925,421)	(244,925,421)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1,946,622,094	274,832,647
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	244,265,346	252,150,391
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,702,356,748	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	22,682,256
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		40,372,170,180	41,582,476,696
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24,900,000	24,900,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	218		24,900,000	24,900,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28,848,884,989	30,049,664,357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	18,305,951,421	19,450,119,602
- Nguyên giá	222		85,894,401,783	87,044,871,238
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(67,588,450,362)	(67,594,751,636)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-

